TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BĐ
TỈNH BP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 03/10/2018
"V/v: Tranh chấp HN&GĐ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.
2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên toà*:** Ông Lương Xuân Duyên**.**

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 273/2018/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018. Về: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hoàng Văn C; Sinh năm 1981. (Có mặt).
HKTT: Thôn 9, xã I, huyện IHD, tỉnh KT.

2. Bị đơn: Triệu Thị L; Sinh năm 1985. (Vắng mặt).
HKTT: Thôn 5, xã Bom Bo, huyện BĐ, tỉnh BP.
Nơi làm việc: Công ty Ponchen; địa chỉ: ấp T, đường Nguyễn Ái Q, xã H, thành phố B, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Hoàng Văn C trình bày: Anh và chị L tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2002, đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện BĐ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50, quyển số 01/2006. Anh và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong công việc gia đình cũng như tình cảm, anh hay uống rượu từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài L tục đến khoảng cuối năm 2011 anh và chị L sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm, không hàn gắn

nên tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Hoàng Quốc T, sinh ngày 07/02/2003 và Hoàng Thị T, sinh ngày 07/02/2007. Từ khi ly thân đến nay anh trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con, chị L không thăm nom cũng không cấp dưỡng cho con. Nay anh có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng các con, anh có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Triệu Thị L vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai ngày 30/8/2018 chị L trình bày: Chị xác nhận về quá trình sống chung, kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng cũng như tình trạng hôn nhân hiện nay giữa chị và anh C như anh C khởi kiện là đúng. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài mà không hàn gắn được, chị không còn tình cảm gì với anh C nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh C. Về con chung, chị xác nhận có hai con chung như anh C trình bày là đúng; hiện nay hai con chung đang ở với anh C đồng thời các con cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh C nên chị đồng ý để anh C tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị không ý kiến gì.

Hai con chung của anh C chị L là Hoàng Quốc T và cháu Hoàng Thị T thống nhất trình bày: Nay cha mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với cha, do mẹ đã đi rất lâu không về chăm sóc các con. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh C được ly hôn với chị L và giao hai con chung cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Hiện nguyên đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 9, xã I, huyện IHD, tỉnh KT; Bị đơn đang làm việc tại Công ty Ponchen có địa chỉ tại ấp T, đường Nguyễn Ái Q, xã H, thành phố B, tỉnh ĐN và có hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã B, huyện BĐ, tỉnh BP. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BP nơi bị đơn có hộ khâu thường trú giải quyết vụ án, nên Tòa án nhân dân huyện BĐ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh C và chị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được Uỷ ban nhân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2006 ngày 19/6/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị L là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống trên nhiều lĩnh vực, nhưng không thông cảm chia sẻ với nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc mà anh C còn thường tụ tập bạn bè uống rượu say từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên từ cuối năm 2011 anh C và chị L sống ly thân đến nay. Hiện nay cả anh C và chị L đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng không hể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của anh C và ý kiến của chị L. Do chị L tham gia các buổi hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nên không có cơ sở ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của hai bên mà cần tuyên chấp nhập yêu cầu xin ly hôn của anh C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh C và chị L có 02 con chung là Hoàng Quốc T, sinh ngày 07/02/2003 và Hoàng Thị T, sinh ngày 07/02/2007. Anh C và chị L đều xác nhận từ khi anh C và chị L ly thân đến nay anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Hiện nay cả anh C và chị L thống nhất để anh C tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con chung; Hai con chung của anh C chị L đều có nguyện vọng được ở với anh C, anh C có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, nên cần giao các con chung của anh C chị L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh C chị L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản, nợ chung: Anh C và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn C được ly hôn với chị Triệu Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn C có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Hoàng Quốc T, sinh ngày 07/02/2003 và Hoàng Thị T, sinh ngày 07/02/2007. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn C phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022147 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh BP.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- UBND xã Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Huệ